

## KẾ HOẠCH

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo” trên địa bàn huyện**

-----

Thực hiện Kế hoạch số 125 - KH/TU, ngày 24/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chỉ đạo “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo” (Chỉ thị số 35-CT/TW); Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch tổng kết như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá kết quả, ưu điểm đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW. Qua đó, kiến nghị, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

2. Việc tổng kết cần bám sát các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 35-CT/TW và thực tiễn tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong 10 năm qua; tiến hành nghiêm túc, khẩn trương theo đúng Kế hoạch; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

### II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC, THỜI GIAN TỔNG KẾT

#### 1. Nội dung

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW.

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Chỉ thị số 35-CT/TW, trọng tâm là: Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính,...

- Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Công tác tiếp công dân và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các cơ quan chức năng (*kiểm tra, thanh tra, công an, kiểm sát, tòa án, thi hành án dân sự,...*).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

- Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc phát hiện, xử lý các sai phạm.

- Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.3. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW.

1.4. Đề xuất, kiến nghị những nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

**Mốc thời gian lấy số liệu tổng kết:** Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.

Yêu cầu các cấp ủy chỉ đạo xây dựng Báo cáo tổng kết phải bám sát đề cương, phụ lục số liệu đầy đủ gửi kèm theo Kế hoạch này.

## **2. Hình thức, thời gian tổng kết:**

Việc tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW được tổ chức từ huyện đến cơ sở.

2.1. Đối với cấp xã, thị trấn: Căn cứ Kế hoạch tổ chức Hội nghị Tổng kết với hình thức phù hợp; báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy). Thời gian hoàn thành **trước ngày 05/7/2024**.

2.2. Đối với cấp huyện:

- Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW (*dự kiến vào đầu tháng 7/2024*); Hoàn thiện, gửi Báo cáo tổng kết về Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Nội chính Tỉnh ủy) **trước ngày 15/7/2024**.

- HĐND và UBND huyện; Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện, Các cơ quan Kiểm tra, Thanh tra, Kiểm soát, Tòa án, Công an huyện tùy điều kiện thực tế tiến hành tổng kết theo các nội dung của Kế hoạch với hình thức phù hợp; xây dựng Báo cáo tổng

kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW gửi Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) **trước ngày 05/7/2024.**

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. HĐND và UBND huyện; Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện; Các cơ quan Kiểm tra, Thanh tra, Kiểm soát, Tòa án, Công an huyện; Đảng ủy các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch, triển khai tổng kết đảm bảo yêu cầu, tiến độ đề ra.

2. Giao Văn phòng Huyện ủy hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; đồng thời tổng hợp, xây dựng báo cáo và tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW theo Kế hoạch.

(Gửi kèm đề cương báo cáo)

#### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy(b/c),
- Ban Nội chính Tỉnh ủy(bc),
- Các ban của Huyện ủy,
- HĐND và UBND huyện,
- UBMTTQ&ĐT huyện,
- Các đồng chí UVBTVHU,
- Cơ quan khối Nội chính,
- Đảng ủy các xã, thị trấn,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**K' Linh**



## ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 145 -KH/HU, ngày 25 /6/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

-----

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm tình hình có liên quan; những thuận lợi, khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (*Chỉ thị số 35-CT/TW*) tại địa phương.

### II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC

#### HIỆN 1. Những kết quả đạt được

##### 1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị.

- Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị (*nêu cụ thể số lượng, nội dung văn bản đã ban hành*).

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết đánh giá việc thực hiện Chỉ thị.

##### 1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35-CT/TW

1.2.1. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) ở địa phương (*Nêu cụ thể số văn bản của Đảng, Nhà nước đã được quán triệt, tổ chức thực hiện; nội dung, hình thức quán triệt, triển khai thực hiện; số lần, số đối tượng được quán triệt; tác dụng, hiệu quả; trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC*).

1.2.2. Hoàn thiện thể chế về tiếp công dân, giải quyết KNTC và liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính,... Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản về tiếp công dân, giải quyết KNTC của cấp ủy, hội đồng nhân dân, UBND các cấp; của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết KNTC; xây dựng quy chế đối thoại với dân, công khai kết quả giải quyết KNTC; chế tài xử lý vi phạm pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC;...

1.2.3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng cơ quan nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

- Kết quả công tác tiếp công dân của Bí thư cấp ủy, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phải tiếp công dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Kết quả công tác đối thoại với người dân, doanh nghiệp.

- Kết quả giải quyết KNTC, phản ánh, kiến nghị của người dân (*Nêu rõ số vụ việc (đơn, thư) đã tiếp nhận, xử lý; số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết và kết quả giải quyết; số vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết đã chuyển cơ quan, người có thẩm quyền và lưu theo quy định; số vụ việc đang giải quyết; số vụ việc còn tồn đọng hiện nay; ...*).

1.2.4. Kết quả tiếp công dân và giải quyết KNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC (*Ủy ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Thanh tra, Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án Dân sự*) theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết KNTC.

1.2.5. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; việc thực hiện công tác hòa giải, đối thoại, vận động thuyết phục công dân chấm dứt KNTC không đúng, giảm thiểu các tranh chấp, KNTC từ cơ sở (*Nêu cụ thể số lượng, tóm tắt nội dung, kết quả đạt được*).

1.2.6. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài (*Nêu rõ số vụ việc đã được xử lý, giải quyết/ tổng số vụ; số vụ việc còn tồn đọng hiện nay, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; ...*).

1.2.7. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan, đơn vị chức năng, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và những hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để cố ý vi phạm pháp luật.

1.2.8. Kết quả phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin báo chí trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

1.2.9. Kết quả kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC; bố trí trụ sở, trang bị phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC ở địa phương (*thống kê cụ thể số cán bộ, công chức làm công tác này ở các cấp; đánh giá chất lượng, mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao*).

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Đánh giá chung về những ưu điểm, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW tại địa phương.

#### **2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm**

**2.1.** Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35 - CT/TW *(nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chưa hiệu quả; vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan).*

**2.2.** Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

**2.3.** Bài học kinh nghiệm.

**3.** Những vấn đề đặt ra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới cần quan tâm giải quyết *(nêu rõ những vấn đề phát sinh đang đặt ra cho công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; nhất là trong tổ chức đối thoại với người dân, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài).*

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI**

**1.** Nhiệm vụ, giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

**2.** Nhiệm vụ, giải pháp giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ thành điểm nóng, gây mất an ninh, trật tự, dễ bị các thế lực thù địch, phản động, cơ hội lợi dụng chống phá.

**3.** Nhiệm vụ, giải pháp để tăng cường lãnh đạo của Đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC.

**4.** Nhiệm vụ, giải pháp khác (nếu có).

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1.** Kiến nghị, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Chỉ thị số 35-CT/TW *(nếu có)*; đề xuất ban hành Kết luận hay Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW.

**2.** Kiến nghị, đề xuất các biện pháp, giải pháp mới nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới.

**3.** Kiến nghị, đề xuất về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

**4.** Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết những vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, xử lý chưa dứt điểm của địa phương; các vụ việc có nguy cơ tạo “điểm nóng” về an ninh, trật tự *(nếu có)*.

**5.** Kiến nghị, đề xuất khác *(nếu có)*.

#### **Ghi chú:**

**1.** Thời gian lấy số liệu báo cáo: **Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.** *(gửi kèm các Phụ lục thống kê kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC).*

---

PHỤ LỤC SỐ 01



Thông kê số liệu kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW<sup>(1)</sup>

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỈNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW						
1.1	Công tác phổ biến, quán triệt						
	Số văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC <sup>(2)</sup>	Văn bản					
	Số văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC đã được quán triệt, tổ chức thực hiện	Văn bản					
	Số cuộc/lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Cuộc/lượt người					
1.2	Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cấp ủy về việc thực hiện Chỉ thị						
	Số cuộc kiểm tra, giám sát	Cuộc					

<sup>1</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024  
<sup>2</sup> Kèm Danh mục văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW



TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra, giám sát	Cơ quan, đơn vị					
2.	<b>Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và liên quan đến quyền và lợi ích của người dân</b>						
	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới của cấp ủy (cấp tỉnh, huyện, xã)	Văn bản					
	Số văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp	Văn bản					
	Số văn bản cả biệt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan	Văn bản					
	Số quy chế, quy trình, quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC được ban hành trong kỳ báo cáo	Văn bản					
3	<b>Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNTC của người đứng đầu theo Chỉ thị số 35-CT/TW</b>						
3.1	<i>Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu</i>						
	Số cuộc/lượt tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy	Định kỳ	Cuộc/lượt người				Nêu rõ lên cơ quan, đơn vị thực hiện



TT	NỘI DUNG		ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
								tiếp công dân
		Đợt xuất	Cuộc/lượt người					
	Số văn bản đã ban hành sau tiếp dân		Văn bản					
	Số vụ việc đã được giải quyết dứt điểm sau tiếp dân		Vụ					
	Số vụ việc chưa được giải quyết hoặc còn KNTC		Vụ					
3.2	Kết quả giải quyết KNTC của người đứng đầu							
3.2.1	Số vụ việc (đơn, thụ) KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết/ tổng số vụ việc đã tiếp nhận, thụ lý	Số đơn khiếu nại	Vụ/vụ					
		Số đơn tố cáo	Vụ/vụ					
		Số đơn phản ánh, kiến nghị	Vụ/vụ					
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết xong, không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)					
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết nhưng vẫn còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)					nêu rõ lý do

TT	NỘI DUNG		ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
	Số vụ KNNTC thuộc thẩm quyền đang xử lý, giải quyết		Vụ (tỷ lệ %)					
	Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm qua giải quyết KNNTC	Số tập thể, cá nhân có sai phạm bị kiến nghị xử lý	Tập thể/ cá nhân					
		Số vụ việc chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý	Tập thể/ cá nhân					
		Số tài sản đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước	Tiền/ ha đất					
		Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					
		Số đơn trả lại và hướng dẫn công dân gửi đến cơ quan có thẩm quyền	Đơn					
3.2.2	Số vụ việc (đơn, thư) KNNTC không thuộc thẩm quyền đã chỉ đạo xử lý, giải quyết	Số đơn thư do đơn trùng lặp, không rõ địa chỉ, mạo danh, nặc danh	Đơn					
		Số văn bản đã phát hành đơn đốc việc giải quyết	Đơn					

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỈNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
3.3	Kết quả tiếp xúc đối thoại với người dân, doanh nghiệp của người đứng đầu						
	Số cuộc tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy	Tỉnh	Cuộc				
		Huyện	Cuộc				
		Xã	Cuộc				
		Tỉnh	Cuộc				
		Huyện	Cuộc				
		Xã	Cuộc				
	Số cuộc tiếp xúc, đối thoại của Chủ tịch UBND các cấp						
	Kết quả xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân sau tiếp xúc, đối thoại	Dã xử lý dứt điểm	Vụ				
		Số vụ việc còn tồn đọng, đang giải quyết	Vụ				nêu rõ lý do
4	Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNNTC <i>(Đề nghị tổng hợp từ các biểu mẫu thống kê kèm theo các phụ lục số 2,3,4,5,6,7,8,9,10)</i>						
5	Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra công tác tiếp công dân, giải quyết KNNTC						

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
5.1	<i>Kết quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp</i>						
	Số cuộc kiểm tra, giám sát	Theo kế hoạch	Cuộc				
		Đột xuất	Cuộc				
	Số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát	Tổ chức đảng/ đảng viên					
	Số tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Tổ chức đảng (tỷ lệ %)					
	Số đảng viên bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC qua kiểm tra, giám sát	Người (tỷ lệ %)					
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo pháp luật	Vụ/người					
5.2	<i>Kết quả công tác thanh tra của Thanh tra cấp tỉnh, huyện</i>						
	Số cuộc/đối tượng thanh tra	Cuộc/đối tượng					
		Theo kế hoạch					

TT	NỘI DUNG		ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
		Đợt xuất	Cuộc/đối tượng					
	Số cuộc đã ban hành kết luận thanh tra		Cuộc					
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý trách nhiệm qua thanh tra		Tập thể/cá nhân					
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra, Ủy ban kiểm tra xem xét, xử lý theo quy định		Vụ/đối tượng					
5.3	<i>Kết quả giám sát công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội</i>							
	Số cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã)		Cuộc					
	Số cuộc giám sát phát hiện có vi phạm, kiến nghị xử lý vi phạm		Cuộc					
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý vi phạm qua giám sát		Tập thể/cá nhân					
	Số cuộc giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội		Cuộc					
	Số cuộc giám sát phát hiện có vi phạm, kiến nghị xử lý vi phạm		Cuộc					

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý vi phạm qua giám sát	Tập thể/cá nhân					
5.4	Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan, đơn vị khác (Tổng hợp cụ thể từ Báo cáo của các cơ quan, đơn vị chức năng)	Cuộc					
	Số tập thể, cá nhân bị xử lý, kiến nghị xử lý vi phạm trong công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Tập thể/cá nhân					
5.5	Số cá nhân bị xử lý về hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để có ý vi phạm pháp luật	cá nhân					
<b>6 Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất</b>							
6.1	Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC						
	Số cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC	Kiểm nhiệm	Người				
		Chuyên trách	Người				
	Trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực của cán bộ, công chức hiện nay	Đã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Người (tỷ lệ %)				

TT	NỘI DUNG		ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
		Chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Người (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>			
		Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao	Người (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>			
6.2	<i>Trụ sở tiếp dân</i>	Bố trí trụ sở (phòng) tiếp công dân riêng biệt	Tỉnh sở (phòng) riêng					
			Huyện (phòng) riêng					
			Xã					
		Bố trí trụ sở (phòng) tiếp công dân trong	Tỉnh sở (phòng) chung					



TT	NỘI DUNG			ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	Cấp Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	GHI CHÚ
		khu hành chính chung	Huyện	Trụ sở (phòng) chung					
			Xã	Trụ sở (phòng) chung					



PHỤ LỤC 02

**Kết quả giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài của người đứng đầu cấp ủy và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC<sup>(3)</sup>**  
(cấp tỉnh và cấp huyện Báo cáo theo phụ lục này)

----

**I. Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài thuộc thẩm quyền đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong, không còn KNTC**

STT	Tên vụ việc	Kết quả		Ghi chú
		Năm phát sinh	Năm giải quyết xong	
1	Vụ A - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
2	Vụ B - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
3	Vụ C - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI				

**II. Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài đã được chỉ đạo giải quyết, nhưng vẫn còn KNTC**

STT	Nội dung	Năm phát sinh	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Tóm tắt nội dung còn KNTC
1	Vụ việc KNTC đã được lãnh đạo TW chỉ đạo giải quyết nhưng trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, công dân vẫn còn tiếp tục KNTC			

<sup>3</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

1.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
1.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
1.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
2	Vụ việc khiếu nại đã được cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại			
2.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
2.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
2.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
3	Vụ việc tố cáo đã được cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng công dân vẫn tiếp tục tố cáo			
3.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
3.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
3.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
4	Vụ việc KNTC đồng người hoặc đơn lẻ nhưng người KNTC có những hành vi quá khích, vi phạm pháp luật hoặc bị kẻ xấu xúi giục, kích động gây ảnh hưởng			
4.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
4.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
III. Số vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài mới phát sinh				
STT	Tóm tắt nội dung vụ việc	Thời gian thụ lý	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Ghi chú

1	Vụ A (tóm tắt nội dung)					
2	Vụ B (tóm tắt nội dung)					
3	Vụ C (tóm tắt nội dung)					
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI					



**PHỤ LỤC 03**  
**Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và tham mưu giải quyết KNTC của Ban Nội chính Tỉnh ủy<sup>(4)</sup>**  
**(Kèm theo Đề cương Báo cáo)**

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
I	<b>Công tác phối hợp tiếp công dân</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ		
5	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc		
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại	Vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ		nêu rõ lý do
II	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc tham mưu xử lý, giải quyết KNTC liên quan đến quản lý hành chính nhà nước</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn		

<sup>4</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	<i>Không thuộc thẩm quyền giải quyết</i>	Đơn		
2	<b><i>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</i></b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn		
	Số đơn lưu	Đơn		
	Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn		
	Số đơn chưa xử lý	Đơn		
3	<b><i>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</i></b>			
	Số đơn đã giải quyết xong, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn		<i>nêu rõ lý do</i>
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn		<i>nêu rõ lý do</i>
4	<b><i>Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài</i></b>			
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	Vụ		
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết nhưng vẫn còn KNTC	Vụ		<i>nêu rõ lý do</i>
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	Văn bản		<i>nêu rõ lý do</i>
5	<b><i>Kết quả phát hiện, xử lý sai phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</i></b>			
	Số tập thể đã bị xử lý (kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính)	Tập thể		
	Số cá nhân đã bị xử lý (kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hình sự)	Người		

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số tập thể, cá nhân có sai phạm, chưa xử lý	Tập thể/cá nhân		nêu rõ lý do

---





**PHỤ LỤC 04**  
**Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC, kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra các cấp<sup>(5)</sup>**  
*(Kèm theo Đề cương Báo cáo)*

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
I	<b>Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, huyện</b>					
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc				
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc				
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt				
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ				
5	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn				
6	Số cuộc đòi thoại, vẫn đông đã thực hiện	Cuộc				
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đòi thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ				
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đòi thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>
II	<b>Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết KNTC đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền</b>					
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>					
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>					
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn lưu	Đơn				
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				

<sup>5</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
	Số đơn chưa xử lý	Đơn				<i>nêu rõ lý do</i>
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>					
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	Vụ				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết, nhưng vẫn còn KNTC	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	Văn bản				
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật <i>chưa</i> được thực hiện	Văn bản				<i>nêu rõ lý do</i>
4	<b>Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên được phát hiện vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>					
	Số tổ chức đảng đã bị xử lý kỷ luật	Tổ chức đảng				
	Số đảng viên đã bị xử lý kỷ luật	Đảng viên				
	Số tập thể, cá nhân có sai phạm, chưa xử lý	Tập thể/ cá nhân				<i>nêu rõ lý do</i>
III	<b>Kết quả kiểm tra, giám sát</b>	Đơn				
	Số cuộc kiểm tra, giám sát	Cuộc				
		Đột xuất				
	Số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát	Tổ chức đảng/ đảng viên				

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
	Số tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Tổ chức đảng (tỷ lệ %)				
	Số đảng viên bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC qua kiểm tra, giám sát	Người (tỷ lệ %)				
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo pháp luật	Vụ/người				



**PHỤ LỤC 05**  
**Kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thanh tra trách nhiệm hành chính**  
**của Thanh tra cấp tỉnh, huyện<sup>(6)</sup>**  
**(Kèm theo Đề cương Báo cáo )**

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
I	<b>Công tác tiếp công dân</b>					
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc				
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc				
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt				
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ				
5	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn				
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc				
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ				
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ				nêu rõ lý do
II	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC</b>					
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>					
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>					

<sup>6</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn lưu	Đơn				
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn chưa xử lý	Đơn				
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>					
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	Vụ				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết nhưng vẫn còn KNTC	Vụ				nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật <i>chưa</i> được thực hiện	Quyết định, kết luận				nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả phát hiện, xử lý những sai phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>					
	Số tập thể, cá nhân phát hiện có sai phạm qua tiếp dân, giải quyết KNTC đã kiến nghị xử lý	Tập thể/ cá nhân				
	Số tập thể, cá nhân đã bị xử lý	Tập thể/ cá nhân				



**PHỤ LỤC 06**  
**Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW**  
**của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, huyện<sup>(7)</sup>**  
**(Kèm theo Đề cương Báo cáo)**

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
I	Công tác tiếp công dân					
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc				
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc				
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt				
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ				
5	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn				
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc				
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ				
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ				nêu rõ lý do
II	Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC					
1	Tổng số đơn đã tiếp nhận					
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				

<sup>7</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Viện kiểm sát</b>					
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn lưu	Đơn				
	Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn chưa xử lý	Đơn				
3	Số đơn thuộc trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát	Đơn				
4	Số đơn không đủ điều kiện đề xử lý, giải quyết	Đơn				
3	<b>Kết quả giải quyết đơn KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND 2 cấp</b>					
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	Vụ				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	Vụ				nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	Quyết định, kết luận				



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật <i>chưa</i> được thực hiện	Quyết định, kết luận				<i>nêu rõ lý do</i>
III	Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc KNTC phức tạp, có dấu hiệu oan sai, dư luận xã hội quan tâm					
1	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền	Vụ				
2	Số vụ việc chưa thụ lý, giải quyết	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>
3	Số vụ việc KNTC phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã chỉ đạo xử lý, giải quyết xong	Vụ				
4	Số vụ việc phát hiện có dấu hiệu oan sai đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong	Vụ				
		Số người bị kết án oan				
5	Số vụ việc có dấu hiệu oan sai đang chỉ đạo xử lý, giải quyết	Người				
IV	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Vụ				
V	Kết quả Kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp					



**PHỤ LỤC 07**  
**Kết quả thực hiện tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW**  
**của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, huyện<sup>(8)</sup>**  
*(Kèm theo Đề cương Báo cáo)*

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	cấp tỉnh	cấp huyện	Ghi chú
I	<b>Công tác tiếp công dân</b>					
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc				
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc				
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt				
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ				
5	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn				
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc				
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ				
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo.	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>
II	<b>Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện hành chính</b>					
1	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết	Vụ				

<sup>8</sup>Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	cấp tỉnh	cấp huyện	Ghi chú
2	Số vụ việc đang xử lý, giải quyết	Vụ				
3	Số vụ việc chưa xử lý, giải quyết	Vụ				
4	Tổng số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật	Bản án				
5	Số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật đã được thi hành	Bản án				
6	Số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật nhưng <i>chưa</i> được thi hành	Bản án				<i>nêu rõ lý do</i>
III	Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo (khiếu nại hành chính, khiếu nại trong hoạt động tư pháp, tố cáo, tố giác và tin báo tội phạm)					
1	<i>Tổng số đơn đã tiếp nhận</i>					
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	<i>Không</i> thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
2	<i>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</i>					
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn lưu	Đơn				
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn chưa xử lý	Đơn				
3	<i>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</i>					
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	cấp tỉnh	cấp huyện	Ghi chú
		Đơn				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	Vụ				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài <i>chưa</i> được giải quyết dứt điểm	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	Quyết t định, kết luận				
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật <i>chưa</i> được thực hiện	Quyết t định, kết luận				<i>nêu rõ lý do</i>
IV	<b>Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp, có dấu hiệu oan sai, đư luận xã hội quan tâm</b>					
1	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền	Vụ				
2	Số vụ việc chưa thụ lý, giải quyết	Vụ				<i>nêu rõ lý do</i>

TT	Diễn giải		Đơn vị	Tổng cộng	cấp tỉnh	cấp huyện	Ghi chú
			tỉnh				
3	Số vụ việc KNTC phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã chỉ đạo xử lý, giải quyết xong		Vụ				
4	Số vụ việc phát hiện có dấu hiệu oan sai đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong		Vụ				
			Người i				
5	Số vụ việc có dấu hiệu oan sai đang chỉ đạo xử lý, giải quyết		Vụ				
V	Số đơn khiếu nại, tố cáo xử lý lòng vòng, không rõ trách nhiệm						nêu rõ lý do

\_\_\_\_\_



**PHỤ LỤC 08**  
**Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW**  
**của Công an các cấp (tỉnh, huyện, xã)<sup>(9)</sup>**  
**(Kèm theo Đề cương Báo cáo dùng cho tỉnh ủy, thành ủy)**

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	cấp xã	Ghi chú
I	Công tác tiếp công dân thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh, huyện, xã						
1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc					
2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc					
3	Số lượt người đã tiếp	Lượt					
4	Số vụ việc đã tiếp	Vụ					
5	Số đoàn đồng người đã tiếp	Đoàn					
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc					
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ					
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ					nêu rõ lý do
II	Kết quả giải quyết đơn KNTC của Công an tỉnh, huyện, xã						
1	Tổng số đơn đã tiếp nhận						

<sup>9</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	cấp xã	Ghi chú
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn					
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn					
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>						
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					
	Số đơn lưu	Đơn					
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					
	Số đơn chưa xử lý	Đơn					<i>nêu rõ lý do</i>
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>						
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn					
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn					<i>nêu rõ lý do</i>
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn					
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	Vụ					
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	Vụ					<i>nêu rõ lý do</i>
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	Văn bản					
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	Văn bản					<i>nêu rõ lý do</i>



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	cấp xã	Ghi chú
III	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC						
	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý đối với tổ chức vi phạm	Tổ chức					
	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý đối với cá nhân vi phạm	Cá nhân					
IV	Kết quả xử lý vi phạm pháp luật trong các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài; lợi dụng tình hình khiếu kiện đông người để chống phá						
1	Số vụ việc vi phạm pháp luật hình sự	Vụ					
2	Số đối tượng vi phạm bị xử lý hình sự	Đối tượng					
3	Số vụ việc vi phạm bị xử lý hành chính	Vụ					
3	Số đối tượng vi phạm bị xử lý hành chính	Đối tượng					
4	Trường hợp khác (nếu có)						
V	Kết quả nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền đấu tranh, ngăn chặn việc lợi dụng tình hình khiếu kiện để chống phá Đảng và Nhà nước						
1	Số vụ việc đang được cơ quan chức năng theo dõi, nắm tình hình	Vụ việc					
2	Số đối tượng có biểu hiện vi phạm thuộc diện quản lý, giáo dục, răn đe	Đối tượng					

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	cấp xã	Ghi chú
3	Số đối tượng có dấu hiệu vi phạm đang bị lập hồ sơ đề nghị xử lý	Đối tượng					
4	Trường hợp khác (nếu có)						
VI	Số vụ việc làm mất an ninh, trật tự tại trụ sở tiếp công dân đã bị xử lý	Vụ việc/ đối tượng					
VII	Số vụ việc nhiều người liên kết lên Trung ương khiếu kiện đã bị xử lý	Vụ việc/ đối tượng					



**PHỤ LỤC 09**  
**Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của Cơ quan Thi hành án Dân sự<sup>(10)</sup>**  
*(Kèm theo Đề cương Báo cáo)*

-----

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>					
<b>1</b>	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc				
<b>2</b>	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc				
<b>3</b>	Số lượt người đã tiếp	Lượt				
<b>4</b>	Số vụ việc đã tiếp	Vụ				
<b>5</b>	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn				
<b>6</b>	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc				
<b>7</b>	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ				
<b>8</b>	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ				nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC liên quan đến quản lý hành chính nhà nước</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>					
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đơn				

<sup>10</sup>Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>					
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn lưu	Đơn				
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn				
	Số đơn chưa xử lý	Đơn				
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>					
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				
	Số đơn đã giải quyết, vẫn còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn				nêu rõ lý do
	Số đơn chưa giải quyết	Đơn				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	Vụ				
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	Vụ				nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	Văn bản				
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	Văn bản				nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>					



**PHỤ LỤC 10**  
**Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân,**  
**Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương (11)**  
*(Kèm theo Đề cương Báo cáo)*

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
I	Kết quả công tác công dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân các cấp						
1	Công tác tiếp công dân						
1.1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc					
1.2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc					
1.2	Số lượt người đã tiếp	Lượt					
1.3	Số vụ việc đã tiếp	Vụ					
1.4	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn					
1.5	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc					
1.6	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ					
1.7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được chỉ đạo giải quyết nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ					nêu rõ lý do
2	Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC						
2.1	Tổng số đơn đã tiếp nhận	Đơn					
2.2	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					
2.3	Số đơn lưu do có nội dung trùng lặp, đơn nặc danh, mạo danh, đơn đã có ý kiến trả lời của cơ quan chức năng,...	Đơn					
2.4	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					

<sup>11</sup> Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
2.5	Số đơn chưa xử lý	Đơn					nêu rõ lý do
2.6	Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền						
3	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNNTC						
	Số tổ chức vi phạm bị xử lý qua tiếp công dân	Tổ chức					
	Số cá nhân vi phạm bị xử lý qua tiếp công dân	Cá nhân					
II	Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNNTC thuộc thẩm quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội						
1	Kết quả công tác tiếp công dân						
1.1	Số cuộc tiếp định kỳ	Cuộc					
1.2	Số cuộc tiếp đột xuất	Cuộc					
1.2	Số lượt người đã tiếp	Lượt					
1.3	Số vụ việc đã tiếp	Vụ					
1.4	Số đoàn đông người đã tiếp	Đoàn					
1.5	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	Cuộc					
1.6	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	Vụ					
1.7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được chỉ đạo giải quyết nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	Vụ					nêu rõ lý do
2	Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNNTC						
2.1	Tổng số đơn đã tiếp nhận						
2.2	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
2.3	Số đơn lưu (do có nội dung trùng lặp, đơn nặc danh, mạo danh, đơn đã được cơ quan chức năng trả lời...).	Đơn					
2.4	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn					
2.5	Số đơn chưa xử lý	Đơn					nêu rõ lý do
3	Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC						